

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận bổ sung danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo,
hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-ĐHTN ngày 20/9/2022 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2022;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 44 thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2022 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *DL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.(10)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc



Phụ lục I

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú	
						Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp					
Liên thông đối với người tốt nghiệp trình độ đại học															
1	38	Đặng Thị	Thắm	30/12/1990	Nữ	Kế toán	Đại học	7.61		Khá	2013		1	23.58	
2	39	Trần Mạnh	Hùng	07/7/1991	Nam	Sư phạm Tin học	Đại học	7.00		Khá	2014		2NT	21.50	
3	40	Phạm Thị Bích	Hiền	10/4/1987	Nữ	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	7.39		Khá	2009		1	22.92	
4	41	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15/10/1997	Nữ	Văn học	Đại học	6.62		Trung bình	2021		3	19.86	
5	42	Trương Thị	Mỹ	06/6/1997	Nữ	Văn học	Đại học	7.16		Khá	2019		3	21.48	
6	43	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	09/5/1993	Nữ	Giáo dục Thể chất	Đại học	8.68		Giỏi	2015		2	26.28	
7	44	Đỗ Thị Thùy	Viên	23/8/1990	Nữ	Quản lý hoạt động bay	Đại học	7.21		Khá	2014		1	22.38	
8	45	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	24/10/1999	Nữ	Kế toán	Đại học	7.81		Giỏi	2021		2NT	23.93	
9	46	Trương Thị Thanh	Tâm	20/11/1994	Nữ	Điều dưỡng	Đại học	8.58		Giỏi	2017		1	26.48	
10	47	Lương Thị Trang	Anh	25/4/1997	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Đại học	7.48		Khá	2022		1	23.19	

Danh sách gồm 10 thí sinh.



Phụ lục II

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đổi tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông đối với người tốt nghiệp trình độ đại học														
1	6	Đoàn Khắc	Thụy	23/6/1985	Nam	Máy xây dựng	Đại học	6.50	TB Khá	2010		2NT	20.00	
2	7	Huỳnh Tiến	Dũng	20/5/1988	Nam	Luật	Đại học	6.50	TB Khá	2017		3	19.50	
3	8	Võ Thiện	Nam	24/12/1994	Nam	Quản lí tài nguyên rừng	Đại học	7.20	Khá	2017		1	22.35	
4	9	Nguyễn Mạnh	Tuấn	14/5/1990	Nam	Quản trị kinh doanh	Đại học	6.30	TB Khá	2012		1	19.65	
5	12	Phan Văn	Đức	15/8/1999	Nam	Luật	Đại học	6.69	Trung bình	2021		3	20.07	
Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học														
6	10	Tổng Quang	Cường	05/11/1986	Nam	Kỹ thuật môi trường	Trung cấp	5.90	Trung bình	2009		1	18.45	
7	11	Lê Công	Dương	02/5/1984	Nam	Trắc địa	Trung cấp	5.00	Trung bình	2004		3	15.00	

Danh sách gồm 07 thí sinh.



Phụ lục III

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	5	Lương Thị Hòa	21/02/1987	Nữ	Sư phạm Toán - Lý	Cao đẳng	6.46	TB Khá	2009		1	20.13	
2	6	Đinh Thị Thu Uyên	17/10/1999	Nữ	Sư phạm Toán - Tin	Cao đẳng	8.18	Giỏi	2020		1	25.29	
3	7	Phạm Thị Hiền	26/6/1995	Nữ	Sư phạm Toán	Cao đẳng	7.75	Khá	2017		1	24.00	

Danh sách gồm 03 thí sinh.



Phụ lục IV

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đổi tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	5	Hồ Hoài Nam	26/3/1988	Nam	Sư phạm Ngũ văn - Lịch sử	Cao đẳng	6.53	TB Khá	2011		1	20.34	

Danh sách gồm 01 thí sinh.



Phụ lục V

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đổi tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	6	Hà Công Hoàng	08/6/1981	Nam	Sư phạm Thể dục - đoàn đội	Cao đẳng	7.20	Khá	2006		1	22.35	

Danh sách gồm 01 thí sinh.



Phụ lục VI

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú	
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp					
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học														
1	7	Đoàn Thị Hậu	25/3/1996	Nữ	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	6.82		Khá	2018		1	21.21	
2	9	Phan Thị Nhung	26/8/1994	Nữ	Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	7.16		Khá	2016		1	22.23	
Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học														
3	8	Nguyễn Hoàng Thúy Phương	22/7/1994	Nữ	Sư phạm Mầm non	Trung cấp	8.20		Giỏi	2015		1	25.35	
4	10	Bùi Thị Phương	29/01/1989	Nữ	Sư phạm Mầm non	Trung cấp	7.30		Khá	2014		1	22.65	

Danh sách gồm 04 thí sinh.



Phụ lục VII

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1.818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	15	Mai Thị Trang	17/02/1993	Nữ	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	8.00	Giỏi	2016		1	24.75	

Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học

Danh sách gồ 01 thí sinh.



Phụ lục VIII

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học													
1	1	Y Tâm Êban	20/11/1980	Nam	Sư phạm Lý - KT công nghiệp	Cao đẳng	5.00	Trung bình	2008	01	1	17.75	

Danh sách gồm 01 thí sinh.



Phụ lục IX

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				

Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học

1	6	Nguyễn Thị Thanh	Lan	22/9/1997	Nữ	Sư phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	6.20	Trung bình	2019		3	18.60	
2	7	Bùi Thị Diễm	Ly	16/3/1991	Nữ	Sư phạm Tiếng Anh	Cao đẳng	6.83	TB Khá	2012		2NT	20.99	

Danh sách gồm 02 thí sinh.



Phụ lục X

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG (LIÊN THÔNG),
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHTN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã HS	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đổi tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				

Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học

1	6	Châu Thị Xuân	Hường	07/01/1993	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.30	Khá	2014		1	22.65	
2	8	Lê Thị	Giang	05/7/1993	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	8.46	Giỏi	2016		1	26.13	
3	9	Ksor H'	Prin	21/4/1988	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.51	Khá	2012	01	1	25.28	
4	10	Lưu Thị Ngọc	Anh	18/11/1994	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.34	Khá	2015		1	22.77	
5	12	Nguyễn Thị	Thuận	05/9/1998	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.31	Khá	2019		1	22.68	
6	13	Võ Thị Phương	Thùy	08/6/1995	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.20	Khá	2017		1	22.35	
7	15	Lê Đức	Toàn	11/4/1999	Nam	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.20	Khá	2020		1	22.35	
8	16	Trần Lê Mỹ	Ba	02/02/1999	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	6.60	TB Khá	2021		1	20.55	
9	17	Trần Văn	Dùng	29/8/1996	Nam	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.13	Khá	2017		1	22.14	
10	18	Kră Đà K'	Jông	08/4/1989	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.45	Khá	2020		1	23.10	

Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học

11	5	Nguyễn Thị Diễm	Hương	01/01/1994	Nữ	Y sĩ	Trung cấp	7.10	Khá	2016		1	22.05	
12	7	Bùi Thị	Hạnh	11/11/1992	Nữ	Y sĩ	Trung cấp	7.70	Khá	2013		1	23.85	
13	11	H' Suân	Ênuôl	24/01/1994	Nữ	Điều dưỡng	Trung cấp	7.20	Khá	2016	01	1	24.35	
14	14	Phạm Xuân	Thùy	05/6/1992	Nữ	Điều dưỡng	Trung cấp	8.10	Giỏi	2014		3	24.30	

Danh sách gồm 14 thí sinh.

